

**DANH MỤC THUỐC NHÌN GIỐNG NHAU, ĐỌC GIỐNG NHAU 2021**

**(LASA: LOOK ALIKE SOUND ALIKE)**



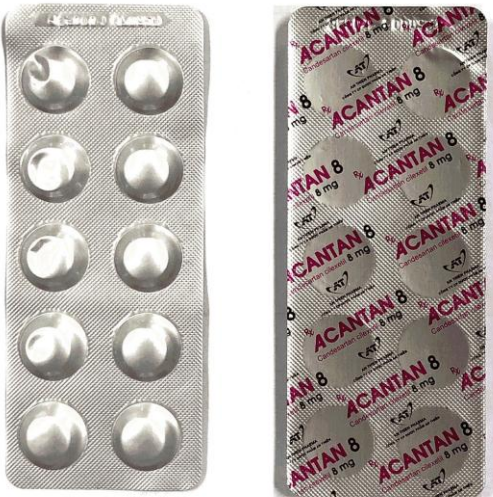

Kính gửi: Các khoa, phòng điều trị Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu.

*Căn cứ vào Quyết định 372/QĐ-BV ngày 08/06/2021 của Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu về việc thành lập đơn vị Thông tin thuốc trong Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu;*

*Căn cứ vào Danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu,*

Để tránh nhầm lẫn trong quá trình sử dụng các thuốc nhìn giống nhau hoặc có tên hoạt chất, biệt dược tương tự nhau, khoa Dược thông báo đến các khoa phòng danh mục thuốc nhìn giống nhau, đọc giống nhau (LASA – look alike sound alike) hiện đang sử dụng như sau:

**Bảng 1. Danh mục thuốc nhìn giống nhau**

TT	DANH MỤC THUỐC NHÌN GIỐNG NHAU	
<b>A. Dạng thuốc viên</b>		
1	 <p>Cefuroxim 250 mg</p>	 <p>Cefuroxim 500 mg</p>
2	 <p>Candesartan 8 mg</p>	 <p>Nicorandil 5 mg</p>

3



Levocetirizin 10 mg

Pravastatin 20 mg

4



HAMOV

Cholacyn

5



Levosulpirid 50 mg

Montelukast 10 mg



Ivabradin 7,5 mg



Montelukast 5 mg

6



Sitagliptin 25 mg



Sitagliptin 50 mg



Topiramate 50 mg

7



Masalazine 500 mg



Lamivudine 100 mg

8



Iba-mentin 1g +62,5 mg



Augbidil 625 mg

9



Methyprednisolon 16 mg



Methyprednisolon 4 mg

10



Omeprazol 40 mg



Pantoprazol 40 mg

**B. Dạng thuốc ống, chai, lọ**

11



Acid tranexamic 500 mg/10 ml



Nước cất pha tiêm 10 ml

12



Glucose 10%/500 ml



Glucose 5%/500 ml

13



Kali clorid 1 g/10 ml



Magnesi sulfat 15%/10 ml

14



Enoxaparin 4.000 UI/0,4 ml



Enoxaparin 6.000 UI/0,6 ml

15



Ketorolac 30mg/ml



Vitamin K<sub>1</sub> 1 mg/1 ml

16

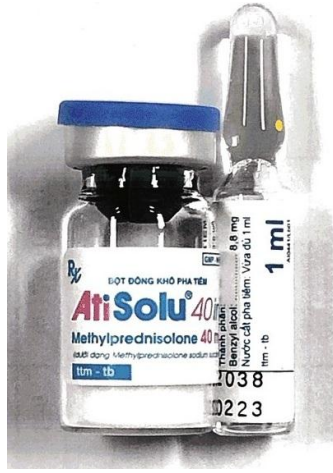


Lidocain 2%/2 ml



Dexamethasone 4 mg/ml

17



Methylprednisolone 40 mg



Hydrocortison 100 mg

18



Ondansetron 8 mg/4 ml



Cafein 30 mg/3 ml

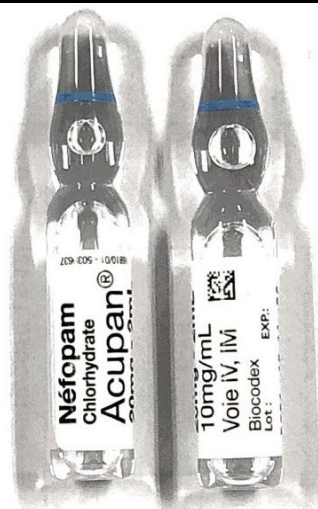


Amiodaron hydrochlorid 150 mg/3 ml

19



Methyl ergometrin (maleat) 0,2 mg/1 ml



Nefopam clohydrate 20 mg/2 ml

**Bảng 2. Danh mục thuốc đọc gần giống nhau (không cùng hoạt chất)**

TT	Tên thuốc đọc giống nhau			
<b>A. Hoạt chất – Hoạt chất</b>				
1	carBAMazepine		OXcarbazepine	
2	CARBOplatin		CISplatin	
3	ceFAZolin	cefOXitin	cefTAZidime	
	cefOTAXim		cefUROXim	
4	CLARITHROmycin		CLINDAmycin	
5	fluTICASON	fluCONAZOL	FluNARIZIN	fluOXETin
6	DOBUTamine		DOPamine	
7	ePHEdrin		ePINEphrin	
8	erythroMYCIN		erythroPOIETIN	
9	fenoFIBRAT		fexoFENADIN	
10	fentaNYL		SUFentanil	
11	gemCITAbin		genTAMicIn	
12	ketocoNAZOL		ketoroLAC	
13	levoFLOXACin		levoTHYROXin	
14	metocLOPRAMID	metroNIDAZOL	methoTREXAT	metFORMIN
15	niCARdipine		niMODipine	
	niCORANdil		niZATIIdin	
16	onDANSEtron	oLanZAPIN	oMEPRAzol	
17	ONDANsetron		PALONOssetron	
18	omeprazol		ESomeprazol	
19	oxaCILIN		oxaLIPLATIN	
20	pERINDOPRIL		prEDNISolon	
21	phenoBARBITAL		phenYTOIN	
22	proGESTEron	proPARACAin	prOPRANolol	
23	SITagliptin		SUMAtriptan	
24	sultaMICILLIN		sumaTRIPTAN	



TT	Tên thuốc đọc giống nhau	
<b>A. Hoạt chất – Hoạt chất</b>		
25	trimeBUtin	trimeTAZIdin
26	cloRPROMAZIN	cloTRIMAZOL
27	CarbETOCIN	CarbIMAZOL
28	Nizatidin	Tizanidin
29	risedrONAT	risperIDON
30	prEGABalin	prAVASTatin
31	metFORMIN	metRONIDAZOL
32	LEVETiracetam	Piracetam

<b>B. Hoạt chất – Biệt dược</b>			
<b>33</b>	amiKACIN		amiNAZIN (Clorpromazin)
<b>34</b>	bambuTEROL		basulTAM (Cefoperazon + sulbactam)
<b>35</b>	calCITRIOL		calDIHASAN (Calci carbonat + vitamin D3)
<b>36</b>	eSOMEPRAZOL		esZOL (Itraconazol)
<b>37</b>	kali CLORID		kaliMATE (Polystyren)
<b>38</b>	polySTYREN		polyDEXA (Neomycin + polymyxin B + dexamethason)
<b>39</b>	tamoXIFEN		tamiFLU (Oseltamivir*)
<b>40</b>	trimeBUTIN	trimeTAZIDIN	trimeSEPTOL (Sulfamethoxazol + trimethoprim)

<b>C. Biệt dược – Biệt dược</b>				
<b>41</b>	acepRON (Paracetamol)		aceRONKO (Acenocoumarol)	
<b>42</b>	atiSALBU (Salbutamol)		atiSOLU (Methyl prednisolon)	
<b>43</b>	combiGAN (Brimonidin tartrat + Timolol)		combiVENT (Salbutamol + Ipratropium)	
<b>44</b>	doroCARDYL (Propranolol)		doroCODON (Codein camphosulphonat+ sulfoguaiacol + cao mềm Grindelia)	
<b>45</b>	exJADE (Deferasirox)		eytaNAC (Diclofenac)	
<b>46</b>	fenoSTAD (Fenofibrat)		fefasDIN (Fexofenadin)	
<b>47</b>	humalog MIX (Insulin trộn, hỗn hợp)		human ALBUMIN (Albumin)	
<b>48</b>	rectioFAR (Glycerol)		reforTAN (Tinh bột este hóa (hydroxyethyl starch))	
<b>49</b>	tamiFINE (Tamoxifen)		tamiFLU (Oseltamivir*)	
<b>50</b>	venRUtine (Vitamin C + rutine)		venTOlin (Salbutamol)	
<b>51</b>	StadNEX (Esomeprazol)	StadNOLOL (Atenolol)	StadOVAS (Amlodipin)	StadPIZIDE (Sulpirid)
<b>52</b>	ClamINAT Amoxicilin + acid clavulanic		ClamOGENTIN Amoxicilin + acid clavulanic	

**Bảng 3. Danh mục thuốc đọc giống nhau (cùng hoạt chất nhưng khác nồng độ/hàm lượng/dạng bào chế)**

<b>STT</b>	<b>Thuốc 1</b>	<b>Thuốc 2</b>
<b>1</b>	Aspirin <b>81 mg</b>	Aspirin <b>500 mg</b>
<b>2</b>	Acenocoumarol <b>1 mg</b>	Acenocoumarol <b>4 mg</b>
<b>3</b>	Aciclovir <b>200 mg</b>	Aciclovir <b>800 mg</b>
<b>4</b>	Amiparen - <b>5</b>	Amiparen - <b>10</b>
<b>5</b>	Amlodipin <b>5 mg</b>	Amlodipin <b>10 mg</b>
<b>6</b>	Amlodipin +Valsartan <b>10 mg + 160 mg</b>	Amlodipin + Valsartan <b>5 mg+80 mg</b>
<b>7</b>	Atorvastatin <b>10 mg</b>	Atorvastatin <b>20 mg</b>
<b>8</b>	Amoxicilin + acid clavulanic <b>250 mg + 31,25 mg (viên)</b>	Amoxicilin + acid clavulanic <b>500 mg + 125 mg (gói)</b>
<b>9</b>	Atropin (sulfat) <b>0,25 mg/1 ml</b>	Atropin (sulfat) <b>10 mg/10 ml</b>
<b>10</b>	Azithromycin <b>250 mg</b>	Azithromycin <b>500 mg</b>
<b>11</b>	Betahistin <b>16 mg</b>	Betahistin <b>24 mg</b>
<b>12</b>	Bisoprolol <b>2,5 mg</b>	Bisoprolol <b>5 mg</b>
<b>13</b>	Calci folinat <b>50 mg/5 ml</b>	Calci folinat <b>100 mg/10 ml</b>
<b>14</b>	Carbocistein <b>500 mg</b>	Carbocistein <b>750 mg</b>
<b>15</b>	Cefaclor <b>125 mg (gói)</b>	Cefaclor <b>250 mg (viên)</b>
<b>16</b>	Cefalexin <b>250 mg (gói)</b>	Cefalexin <b>500 mg (viên)</b>
<b>17</b>	Cefixim <b>50 mg (gói)</b>	Cefixim <b>200 mg (viên)</b>
<b>18</b>	Cefoperazon + sulbactam <b>500 mg + 500 mg</b>	Cefoperazon + sulbactam <b>1 g + 1 g</b>
<b>19</b>	Cefpodoxim <b>100 mg (gói)</b>	Cefpodoxim <b>200 mg (viên)</b>
<b>20</b>	Cefepim <b>1 g</b>	Cefepim <b>2 g</b>
<b>21</b>	Cefoxitin <b>1 g</b>	Cefoxitin <b>2 g</b>
<b>22</b>	Cefuroxim <b>750 mg</b>	Cefuroxim <b>1,5g</b>
<b>23</b>	Celecoxib <b>100 mg</b>	Celecoxib <b>200 mg</b>
<b>24</b>	Cisplatin "Ebewe" <b>10 mg/20 ml</b>	Cisplatin "Ebewe" <b>50 mg/100 ml</b>
<b>25</b>	Cyclophosphamid <b>200 mg</b>	Cyclophosphamid <b>500 mg</b>
<b>26</b>	Clarithromycin <b>250 mg</b>	Clarithromycin <b>500 mg</b>
<b>27</b>	Colistin <b>1 MUI</b>	Colistin <b>3 MUI</b> Colistin <b>4,5 MUI</b>

STT	Thuốc 1			Thuốc 2		
28	Diclofenac <b>50 mg</b>			Diclofenac <b>100 mg</b>		
29	Erythropoietin <b>2.000UI/1 ml</b> (Nanokine)			Erythropoietin <b>4.000UI/1 ml</b> (Nanokine)		
30	Fenofibrat <b>160 mg</b>			Fenofibrat <b>200 mg</b>		
31	Glimepirid <b>2 mg</b>			Glimepirid <b>4 mg</b>		
32	Glucose <b>10%/500ml</b>	Glucose <b>30%/500ml</b>		Glucose <b>5%/250 ml</b>	Glucose <b>5%/500 ml</b>	
33	Kali clorid <b>500 mg</b>			Kali clorid <b>600 mg</b>		
34	Losartan <b>50 mg</b>			Losartan <b>100 mg</b>		
35	Natri clorid <b>0,9%/100 ml</b>	Natri clorid <b>0,9% 250 ml</b>	Natri clorid <b>0,9%/100 ml</b>	Natri clorid <b>3%/100 ml</b>	Natri clorid <b>0,9%/500 ml</b>	
36	Acid amin <b>10%/200 ml</b>	Acid amin <b>5%/200 ml</b>	Acid amin <b>5%/500 ml</b>	Acid amin <b>6,5%/100 ml</b>	Acid amin <b>7,2%/200 ml</b>	Acid amin <b>8%/200 ml</b>
37	Albumin <b>25%/50 ml</b>			Albumin <b>20%/50 ml</b>		
38	Salicylic acid + betamethason dipropionat <b>10 g</b>			Salicylic acid + betamethason dipropionat <b>30 g</b>		
39	Spiramycin <b>750000 UI</b>			Spiramycin <b>3 MIU</b>		
40	Sulfamethoxazol + trimethoprim <b>400 mg + 80 mg</b>			Sulfamethoxazol + trimethoprim <b>800 mg + 160 mg</b>		
41	Tinh bột este hóa (hydroxyethylstarch) <b>6%/500 ml (130,000 dalton)</b>			Tinh bột este hóa (hydroxyethylstarch) <b>6%/500 ml (200,000 dalton)</b>		
42	Tranexamic acid <b>250 mg/5 ml</b>			Tranexamic acid <b>500 mg/5 ml</b>		
43	Budesonid + formoterol (160 mcg + 4,5 mcg)/liều x <b>60 liều</b>			Budesonid + formoterol (160 mcg + 4,5 mcg)/liều x <b>120 liều</b>		
44	Calci carbonat + vitamin D3 <b>750 mg +100 UI</b>			Calci carbonat + vitamin D3 <b>1250 mg + 125 UI</b>		
45	Candesartan + hydrochlorothiazid <b>8 mg + 12,5 mg</b>			Candesartan + hydrochlorothiazid <b>16 mg + 12,5 mg</b>		
46	Carboplatin <b>150 mg/15 ml</b>			Carboplatin <b>450 mg/45 ml</b>		
47	Esomeprazol <b>20 mg</b>			Esomeprazol <b>40 mg</b>		
48	Fenofibrat <b>160 mg</b>			Fenofibrat <b>200 mg</b>		
49	Gabapentin <b>300 mg</b>			Gabapentin <b>600 mg</b>		
50	Glimepirid <b>2 mg</b>			Glimepirid <b>4 mg</b>		

STT	Thuốc 1		Thuốc 2	
51	Paracetamol 150 mg	Paracetamol 250 mg	Paracetamol 500 mg	Paracetamol 650 mg
52	Piracetam 800 mg		Piracetam 1200 mg	
53	Polystyren 5 g		Polystyren 15 g	
54	Progesteron 100 mg		Progesteron 200 mg	
55	Risperidon 1 mg	Risperidon 2 mg	Risperidon 4 mg	
56	Rivaroxaban 15 mg		Rivaroxaban 20 mg	
57	Simvastatin 10 mg		Simvastatin 20 mg	

Những chú ý khi bảo quản và sử dụng thuốc trong danh mục thuốc LASA:

- + Kiểm tra cẩn thận trước khi thực hiện y lệnh cho bệnh nhân (tiêm, truyền, phát thuốc cho bệnh nhân)
- + Sắp xếp xa nhau tại các tủ thuốc trực
- + Ghi y lệnh rõ ràng trong hồ sơ bệnh án tránh nhầm lẫn
- + Mỗi khoa phòng dựa vào danh mục LASA chung toàn viện để làm danh mục riêng cho các thuốc có trong tủ trực của khoa và dán nhãn cảnh báo “**chống nhầm lẫn**” theo danh mục riêng này.

**Chú thích:** Danh mục này sẽ được cập nhật, bổ sung khi có thay đổi.

*Tài liệu tham khảo; Pharmaceutical Services Division Ministry of Health Malaysia (2012), Guide on handling look alike, sound alike medications; <https://www.ismp.org>*

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi
- Lưu: ĐVTTT

**P. CHỦ TỊCH HĐT&ĐT**

**ĐV THÔNG TIN THUỐC**

**P. GIÁM ĐỐC**  
**BS. Nguyễn Ích Tuấn**

**DS. Viên Cẩm Tú**